

Đại Từ, ngày 27 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về kế hoạch và kết quả hoạt động
giáo dục thường xuyên năm học 2024 -2025

(Thể hiện rõ các nội dung công khai được quy định trong Thông tư số 09/2024/TTBGDDT ngày 03/6/2024 của Bộ GDĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.)

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			Đối sánh số liệu với năm trước liền kề
			Khối 10	Khối 11	Khối 12	
I	Số liệu về học sinh	856	314	243	299	
1	Tổng số HS	856	314	243	299	
	- Số học sinh nam	402	137	125	140	
	- Số học sinh nữ	454	177	118	159	
2	Tuyển sinh mới	314	314	0	0	
3	Số học sinh bình quân/lớp theo từng khối	45	45	46	45	
4	Số học sinh học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	
5	Số học sinh là người dân tộc thiểu số	386	137	122	127	
6	Số học sinh là người khuyết tật	3	1	1	1	
7	Số học sinh chuyển trường đến	0	0	6	0	
8	Số học sinh chuyển trường đi	0	0	0	0	

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo, thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp.

			Chia ra theo khối lớp	Đối
--	--	--	-----------------------	-----

						sánh số liệu với năm trước liền kề
			Khối 10	Khối 11	Khối 12	
1	Số học sinh chia theo học lực/học tập	856	314	243	299	
	Tốt	21	4	10	7	
	Khá	450	124	105	221	
	Đạt	362	171	120	71	
	Chưa đạt	23	15	8	0	
Số học sinh chia theo hạnh kiểm/rèn luyện						
	Tốt	520	155	160	205	
	Khá	264	123	62	79	
	Đạt	51	18	18	15	
	Chưa đạt	21	18	3	0	
Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi						
	Cấp huyện					
	Cấp tỉnh/thành phố					
	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
	số lượng học sinh được lên lớp					
	số lượng học sinh không được lên lớp					

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %	Đối sánh số liệu với năm trước liền kề
1	Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình/ học sinh được cấp bằng tốt nghiệp	283	94,97%	
	số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông			
	số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học			

	phổ thông			
--	-----------	--	--	--

d) Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài).

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Bình